

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/HNGĐ-ST

Ngày: 06/02/2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Phương
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Đặng Hữu Tấn
2. Ông Trần Thanh Việt
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 592/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thành D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số 213/6C khóm PQ, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 213/6C khóm PQ, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2017, trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Thành D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông Lê Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh Th tự quen biết, tìm hiểu nhau; sau đó tổ chức lễ cưới vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà, sau khi kết hôn, ông bà chung sống đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã liên quan đến tiền bạc, bà Th hay ghen với ông D. Nay ông D nhận thấy tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Th theo quy định pháp luật.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống ông D và bà Th có ba con chung tên Lê Văn V, sinh ngày 02/12/1991; Lê Thị Kiều M, sinh ngày 13/11/1996 và Lê Thị Kiều T, sinh ngày 13/11/1996. Các con đã thành niên, có cuộc sống ổn định riêng, không phụ thuộc gia đình cha mẹ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Ông D yêu cầu được tự thỏa thuận với bà Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Không có nợ chung, chỉ có nợ riêng giữa vợ chồng nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh Th vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: Ông D giữa nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D không công nhận ông bà là vợ chồng, về quan hệ con chung đã thành niên, có cuộc sống riêng nên không xét, về quan hệ tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bà Nguyễn Thị Thanh Th nhưng bà không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Lê Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa ông, bà đã vi phạm quy định pháp luật về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố quan hệ giữa ông D và bà Th không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung, trong thời gian chung sống ông D và bà Th có ba con chung tên Lê Văn V, sinh ngày 02/12/1991; Lê Thị Kiều M, sinh ngày 13/11/1996 và Lê Thị Kiều T, sinh ngày 13/11/1996. Các con đã thành niên có cuộc sống ổn định, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không phụ thuộc vào cha mẹ, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Trong thời gian sống chung vợ chồng, ông D xác định có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận với bà Th nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác, nên không xét đến.

[5] Về quan hệ nợ chung: Giữa ông D và bà Th không có nợ chung, ông D trình bày chỉ có nợ riêng nên không xét đến.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông D nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D không công nhận ông bà là vợ chồng, về quan hệ con chung tên Lê Văn V, sinh ngày 02/12/1991; Lê Thị Kiều M, sinh

ngày 13/11/1996 và Lê Thị Kiều T, sinh ngày 13/11/1996; các con đã thành niên, có cuộc sống riêng nên không xét, về quan hệ tài sản và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng:

Khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, điều 227, khoản 3 điều 228, điều 273, điều 278, điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 2, điều 6, điều 7, điều 9, điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh Th là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Ông Lê Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh Th có 03 (ba) con chung tên Lê Văn V, sinh ngày 02/12/1991; Lê Thị Kiều M, sinh ngày 13/11/1996 và Lê Thị Kiều T, sinh ngày 13/11/1996. Các con đã thành niên, có cuộc sống ổn định, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, không phụ thuộc cha mẹ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Thành D nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018748, ngày 31/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Lê Thành D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị Thanh Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

-Các đương sự;

-VKSND-TPLX;

-Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương

